

LÃNH TỰ PHAN BỘI CHÂU với một nước Việt Nam mới

Nguyễn Đình Chú

Sự nghiệp cách mạng của lãnh tụ Phan Bội Châu dù chưa thành công nhưng là vô cùng vĩ đại và cũng vô cùng phong phú, biến hóa. Tôi xin được nói rằng hậu thế chưa hiểu hết tầm vóc vĩ đại, phong phú và biến hóa đó. Chẳng phải thế sao? Bao nhiêu năm nay, hầu như mọi người nói đến Phan Bội Châu là chỉ nói đến chủ trương bạo động trong khi Phan Châu Trinh thì chủ trương bất bạo động, cải cách duy tân,... Để rồi, trừ Chủ tịch Hồ Chí Minh, một thời say sưa với bạo động thì đề cao Phan Bội Châu, hạ thấp Phan Châu Trinh. Gần đây có phần nguội nhạt với cảm hứng bạo động mà thiên về cải cách duy tân bất bạo động thì lại đặt cụ Phan xứ Quảng lên trên cụ Phan xứ Nghệ, thậm chí còn hạ thấp cụ Phan xứ Nghệ. Do đã không thấy rằng cụ Phan xứ Nghệ ở thời gian đầu còn chịu ảnh hưởng của phong trào Cần vương thì vẫn theo con đường bạo động. Nhưng một khi chính thức dấn thân vào công cuộc cách mạng cứu nước thì tuy vẫn theo chủ trương bạo động nhưng trong chủ trương cũng như trong thực tiễn hành động cách mạng vẫn đi bằng hai chân. Chân phải là bạo động, chân trái là duy tân cải cách. Chưa rõ là cụ Phan xứ Quảng đến với tân thư, với



Chân dung ký họa cụ Phan Bội Châu

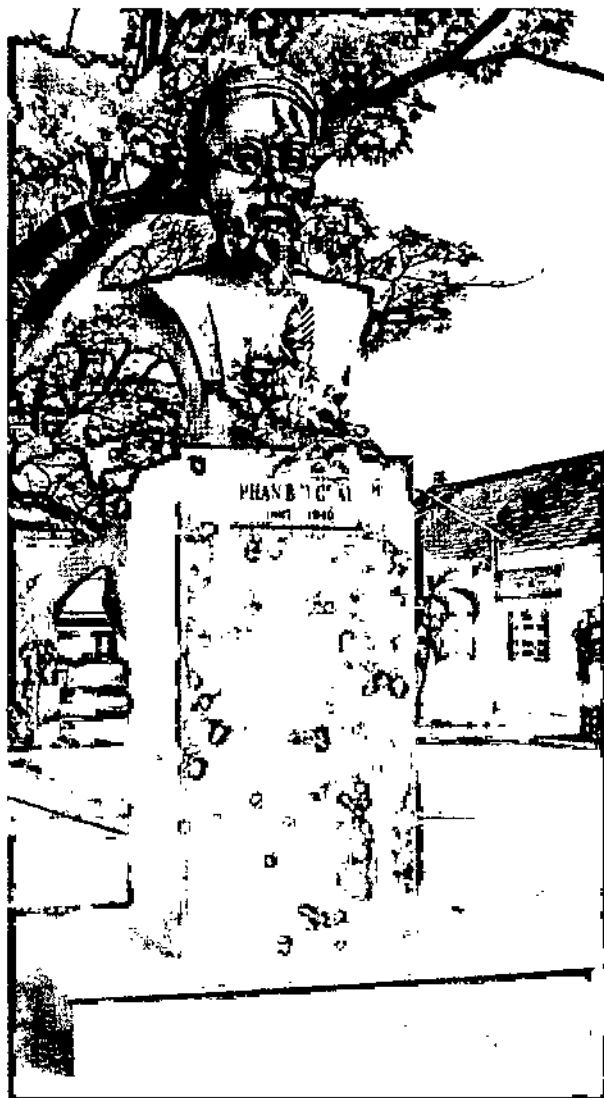
Jacques Rousseau) tự năm nào. Theo *Niên biểu* trong sách *Phan Châu Trinh - về tác gia tác phẩm*, Nxb. Giáo Dục in năm 2007 thì năm 1902 trong khi làm Thừa biện Bộ Lễ, cụ đọc tân thư. Nhưng với cụ Phan xứ Nghệ thì *Phan Bội Châu niên biểu* đã cho biết là: “Năm Đinh Dậu (1897), nhân dịp vào Huế, quen biết Nguyễn Thượng Hiền là người tàng trữ những văn chương của ông Kỳ Am Nguyễn Lộ Trạch xưa nay chưa ai xem, bây giờ mới đưa tôi xem. Tôi được đọc bài *Thiên hạ đại thế luận* của ông Kỳ Am mà nhân đó tư tưởng mới mưng mậm nơi tôi. Tiên sinh lại cho tôi mượn mấy pho sách như

Trung Đông chiến ký, *Phổ Pháp chiến ký* cùng pho *Doanh hoàn chí lược*. Tôi vì xem những pho sách ấy mà hiểu qua được thời trạng cạnh tranh ở trong hoàn cầu, thăm trạng vì quốc vong, họa sâu vì chủng diệt, càng kích thích ở trong óc sâu lắm”. Năm 1903, trong khi cụ Phan xứ Quảng đang tại chức Thừa biện Bộ Lễ, cụ Phan xứ Nghệ đã hăng hái tập hợp lực lượng, viết *Lưu cầu huyết lệ tân thư* cổ động việc *mở trí khôn cho dân* (Khai dân trí), *nhức nói khí dân* (chấn dân khí) *vun trồng nhân tài* (thực nhân tài). Hội Duy tân thành lập năm 1904, cụ là một trong hai người sáng lập chính. Chuyến Đông du sang Nhật Bản cũng là

Mạnh Đức Tư Cưu (Montesquieu), Lư Thợa (Jean

thê, lúc đầu với ý thức cầu viện để đánh Pháp

THƯ VIỆN TP. CẦN THƠ



Tượng cụ Phan Bội Châu trong sân trường THPT Phan Bội Châu, Bình Thuận

nhưng thực tế, vì lẽ này lẽ khác, lại chỉ tiến hành duy tân, đào tạo nhân tài cho đất nước mà lịch sử đã coi đó là một điểm son chói lọi. Chưa kể là trong khi Đông du, năm 1906, về nước, cụ vẫn bí mật hội kiến ban đêm trên sông Lam với các cụ Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Lê Văn Huân, Đặng Văn Bá của Triều Dương thương quán ở thành phố Vinh Nghệ An thuộc phái “minh xã”. Với phong trào Đông kinh nghĩa thực, cũng vậy. *Hải ngoại huyết thư* của Phan Bội Châu chẳng phải đã được Lê Đại trong ban tu thư của trường Đông Kinh Nghĩa Thực diễn nôm làm tài liệu học tập của nhà trường đó sao. Đúng là công cuộc cứu nước của lãnh tụ Phan Bội Châu ở buổi đầu tuy thiên vào bạo động nhưng vẫn là một sự phối hợp đẹp với khuynh hướng duy tân cải cách mà đó là đường lối, là phương thức tối ưu cho công cuộc cứu nước. Không như cụ Phan xứ Quảng một khi theo hướng duy tân cải cách thì quyết liệt chống

khuynh hướng bạo động, cho là “bạo động tắc tử / vọng ngoại giả ngu”. Đơn giản hóa trong tư duy, hoặc không nghiên cứu đầy đủ mà chạy theo cảm hứng một phía để rồi lúc thì đề cao người này hạ thấp người khác, lúc thì ngược lại như đã có là không ổn. Cần phải nói lại như thế. Nhưng nói lại như thế vẫn chưa đủ. Phải nói thêm điều rất cần nói nữa để thấy rõ hơn tầm vóc vĩ đại của người họ Phan đeo trên mình viên ngọc quý (Phan Bội Châu) đã trở thành “bạc anh hùng, vị thiên sứ được hai mươi triệu đồng bào sống trong vòng nô lệ tôn kính” (Nguyễn Ái Quốc). Quan trọng hơn, còn là để nhận diện thực trạng của phong trào cách mạng giải phóng đất nước ở đầu thế kỷ XX đầy đủ hơn và cũng là để có thêm cơ sở nhận thức cho công cuộc xây dựng phát triển đất nước hôm nay và mai sau. Điều cần nói thêm đó chính là vấn đề nước Việt Nam mới trong học thuyết cách mạng của lãnh tụ Phan Bội Châu.

Thông thường nói đến độc lập là nói chủ quyền được bảo toàn trọn vẹn. Mất nước là mất chủ quyền trọn vẹn đó. Cứu nước là giành lại chủ quyền trọn vẹn cho đất nước. Nhưng có vấn đề là độc lập rồi thì vẫn giữ lấy chính thể cũ hay thay đổi bằng một chính thể mới. Ở nước ta từ ngày mất nước về tay thực dân Pháp, các phong trào cứu nước liên tục nối tiếp nhau. Mà với phong trào Cần vương cuối thế kỷ XIX thì chỉ lo chống Pháp chưa có ý niệm gì thay đổi thể chế chính trị xã hội. Nghĩa là phong kiến rồi vẫn phong kiến. Nhưng sang đầu thế kỷ XX trở đi, với phong trào cứu nước trước và sau 1930, đã kèm theo mục tiêu xây dựng một chế độ chính trị xã hội mới. Bởi thế mà có định ngữ cách mạng kèm theo khi nói đến các cuộc đấu tranh cứu nước thời này... Với phong trào cách mạng đầu thế kỷ XX đến 1930, điều mới là đã nhận ra tính chất lỗi thời của chế độ phong kiến mà người tiêu biểu là cụ Phan của xứ Quảng và cụ Phan xứ Nghệ. Với cụ Phan xứ Quảng, vua là “quốc tặc” (thằng giặc của đất nước). Với cụ Phan xứ Nghệ “vua là tượng gỗ”⁽¹⁾, “Nguyễn triều của Việt Nam cũng như Mãn triều của Trung Quốc đều là phường chó chết cả”⁽²⁾. Ở đây, đã có chuyện từ bỏ chế độ phong kiến để hướng tới một chế độ mới. Tuyên cáo của Việt Nam quang phục hội thành lập năm 1912, do chí sĩ Nguyễn Đức Công (Hoàng Trọng Mậu) chấp bút là chính đã viết: “Muốn cho ích nước lợi nhà / Ất là dân chủ cộng hòa mới xong”. Thể chế xã hội đó đã được các sử gia mệnh danh là chế độ dân chủ tư sản cũ. Nhưng chế độ dân chủ tư sản cũ đó có nội dung cụ thể ra sao thì chưa được các sách báo nói rõ. Cụ Phan xứ Quảng có tác phẩm *Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam* viết ở Pháp trong khoảng thời gian 1913-1914 để gửi cho hai trùm thực dân Pháp là Metsximi và Albert Sarraut. Tác phẩm được in lại trong *Phan Châu Trinh toàn tập* - Tập

III thì chưa phải là một văn bản hoàn chỉnh. Nội dung ở đây chỉ mới có các vấn đề: 1. *Lịch sử giáo thiệp của dân tộc Việt Nam với Trung Quốc.* 2. *Lịch sử giáo thiệp giữa nước Nam và nước Pháp.* 3. *Đặc tính tự tôn và tự ty. Tính ý ngoại và bài ngoại.* 4. *So sánh chỗ mạnh yếu, được mất, đồng dị giữa dân tộc ta và dân tộc Trung Hoa.* 5. *Luận về phong trào chống Pháp.* 6. *Chân tướng của hai đảng.* 7. *Lịch sử dân tộc nước Nam.* 8. *Nguyên nhân sa sút của người nước ta. Nguyên nhân phát khởi của người nước ta.* Đề cập nhiều vấn đề như thế nhưng vấn đề tân Việt Nam sau khi đã liên hiệp với Pháp cụ thể là thế nào thì chưa có gì ở văn bản này. Tại tiểu mục 6, tác giả có nói đến những chủ trương của mình như lập trường Tiểu học phổ thông ở nông thôn, lập các hội tân học, diễn thuyết, trồng cây, cắt tóc, mặc áo ngắn,... thì đó chỉ mới là những hoạt động duy tân mà chưa đủ thể hiện hình thái xã hội, thể chế chính trị mà nước Việt Nam mới sẽ có là gì. Tân Việt Nam - Nước Việt Nam mới - của cụ Phan xứ Nghệ là tác phẩm được viết ở Nhật Bản, tại Bình Ngô Hiên - Hoành Tân từ năm 1907, nguyên văn chữ Hán. Văn bản hiện có ở gia đình cụ Phan, Thư viện khoa học Trung ương, Kho sách chữ Hán thuộc Cục lưu trữ Nhà nước. Đã có vài bản dịch ra quốc ngữ. Có bản dịch đã được công bố trên *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 78* (4 - 1968). Chuyên gia về Phan Bội Châu là Chương Thâu - đã dày công sưu tầm, kết nối, hoàn thiện văn bản của nguyên tác và có dịch phẩm in trong *Phan Bội Châu toàn tập* tập II. Mở đầu tác phẩm có đoạn cụ Phan đã viết: "Bây giờ tôi xin thưa với đồng bào rằng: muốn xây dựng một Nước Việt Nam mới thì phải chịu sự cực như thế, chịu sự nhọc nhằn như thế, chịu sự phí như thế. Nếu đồng bào ta sợ cực lắm, nhọc lắm và phí lắm là bởi vì chưa biết nước Việt Nam ta sau khi đã duy tân rồi là sướng, là vui, là lợi đó mà thôi. Bây giờ tôi xin thưa với đồng bào ta có mười điều sướng lớn (thập đại khoái) như sau:

1. Không có cường quốc bảo hộ
2. Không có bọn quan lại hại dân
3. Không có người dân nào không được thỏa nguyện
4. Không có người lính nào mà không được vinh dự
5. Không có thuế xâu nào mà không bình đẳng
6. Không có hình luật nào mà không công bằng
7. Không có nền giáo dục nào mà không hoàn thiện
8. Không có nguồn địa lợi nào mà không khai phá
9. Không có ngành công nghệ nào mà không phát đạt
10. Không có ngành thương nghiệp nào mà không thịnh lợi

Từ mười điều sướng lớn đó, tác giả làm rõ hơn nước Việt Nam mới là thế nào?

Là:

"... Sau khi đã duy tân rồi thì tư cách nội trị, quyền lợi ngoại giao đều do ta nắm giữ. Sự nghiệp văn minh ngày càng tiến bộ, phạm vi thế giới ngày càng mở mang. Ta sẽ có 300 vạn lục quân mạnh như cọp nhìn ngó trong bốn cõi, 50 vạn thủy quân dữ như kinh, nghênh ngang trong biển lớn, rồi ta cũng có sứ thần phái đi khắp các nước. Châu Âu, châu Mỹ, các nước Nhật, Mỹ, Đức, Anh đều liên kết với nước ta làm nước đồng minh bậc nhất. Các nước Xiêm La, Ấn Độ và các nước ở quần đảo Nam Dương đều tôn ta là nước minh chủ. Đến cả nước lớn ở châu Á là Trung Hoa cũng sẽ làm nước anh em với nước ta. Nước thù địch của ta là nước Pháp cũng sợ ta, nghe theo ta, xin ta bảo hộ cho. Cờ nước ta phát phới trên thành Paris và sắc nước ta chói rạng ở trong địa cầu. Đến lúc ấy người nước ta chỉ sợ không rảnh mà bảo hộ cho nước khác. Bao nhiêu sự xấu hổ nhục nhã bị người khác bảo hộ trước đây đã thành như phương thuốc hay để gây dựng công việc duy tân đó mà thôi. Đài kỷ niệm xây cao, muôn đước sáng trưng thế giới. Gió tự do thổi mạnh, một luồng mát mẻ cả năm châu. Nòi giống ta ưu thắng đến thế, sướng biết chừng nào!"

Là:

"Cái nọc chuyên chế của bọn người hai dân áp ú đã hàng ngàn năm nay từ bên Trung Quốc lây sang nước ta, đến nỗi một tên "độc phu" (vua) và vài vạn kẻ dung nhân (quan) làm cá làm thịt trăm họ dân ta. Thế mà dân ta ngu ngốc khờ dại không biết giành dân quyền, giữ quốc mệnh, chỉ ngày đêm lo hết lòng hết sức đem máu mỡ mình cung đốn cho bọn độc phu, dung nhân uống nuốt. Than ôi! Thật đáng thương thay!

Sau khi đã duy tân rồi thì dân trí sẽ mở mang, dân khí sẽ lớn mạnh, dân quyền sẽ phát đạt. Vận mệnh nước ta do dân ta nắm giữ. Giữa đô thành nước ta đặt một tòa Nghị viện lớn. Bao nhiêu việc chính trị đều do công chúng quyết định. Thượng nghị viện phải đợi Trung nghị viện đồng ý. Trung nghị viện phải đợi Hạ nghị viện đồng ý mới được thi hành. Hạ nghị viện là nơi đa số công chúng có quyền tài phán việc của Trung nghị viện và Thượng nghị viện. Phàm nhân dân nước ta, không cứ là sang hèn, giàu nghèo, lớn bé đều có quyền bầu cử. Trên là vua nên để hay nên truất, dưới là quan nên thăng hay nên giáng, dân ta đều có quyền quyết đoán cả. Những vua tệ quan hư không hợp công đạo, thì khi hội nghị trong nghị viện, dân ta hội nhau công nghị, được có quyền khiển trách, trừng phạt. Đến khi ấy, trên quan dưới lại, ai mà hại dân, thì không được sống trong trời đất nữa. Đến khi ấy, dân ta chỉ có vui mừng sung sướng, ngậm cơm vỗ bụng mà thôi, như là

cát đầu thấy trời, râm tiếng vui ca muôn núi, tiếng vỗ tay ran như sấm, khen Chính phủ đến ngàn năm. Chúng ta vinh thịnh đến là thế, sướng biết chừng nào!”.

Là:

“Sau khi duy tân rồi thì quyền uy nước ta cầm, nhân đạo ta ta giữ, nền văn minh thông suốt, cửa tự do mở rộng, báo chí tràn đường, tân thư đầy ngõ, đơn từ kiện cáo, bút lười hùng đàm, luận bàn đủ các việc nội trị ngoại giao. Người viết văn được rộng đường trước thuật. Bao nhiêu ẩn tình của chú phu xe, của người lính ngựa, của bà mẹ góa, của đứa con cô, thầy thầy đều đạt tới tai vua. Đến khi đó, người nước ta sẽ sung sướng ngây ngất như khen biển lớn là không cùng, mắt xem khó hết, như lạ vì trời xanh sao quá rộng, tay khó với vin. Tự do như thế, sung sướng biết chừng nào!”.

Là:

“Sau khi duy tân rồi thì trước là bỏ hết các tệ cũ đã từng kéo dài tới mấy triệu vua, sau nữa phải sửa đổi hết các phép chính trị hà khắc của người Pháp. Thuế, sưu, thuế thân không còn tí nào. Mọi thứ thuế khóa đều do Nghị viện quyết định. Việc đánh thuế thứ này, đánh thuế thứ kia phải được dân ta thừa nhận và đều dùng vào việc cần kíp, việc công ích. Nhân dân bình duyệt rồi, Chính phủ mới được sức từ thu thuế xuống. Dân ta nạp một đồng tiền một hạt thóc đều có lòng vui sớt sáng, đều do lòng yêu nước tự nguyện nạp thuế, không có một tí gì là dã man cường bức. Khi ấy chúng ta sung sướng như là trời cao biển rộng, bay nhảy khôn cùng. Ngày ấm gió hòa, trên dưới vui vậy, sướng biết chừng nào!”.

Là:

“Từ trước đến đây, hình luật nước ta khác nghiệt, tay chân phải gông cùm, thân thể bị đè nén, người muốn động mà không động được. Người bị tội khi ăn uống, thức ngủ so với trâu ngựa gà lợn không có gì khác biệt... Sau khi duy tân rồi thì trong nước không một người nào không có lòng yêu nước, phụng sự việc công, hết lòng thương yêu nhau, biết phục tùng chính lệnh, biết theo đuổi văn minh. Như vậy thì cần gì phải đợi đến những hình phạt nhỏ nhen nữa. Tuy vậy, nếu không may mà có vài người phạm tội thì cũng có những đạo luật hình văn minh để đối xử... Trong kinh đô, lập ra viện Cám hóa có quan tòa do nhà Thái học cử ra phụ trách. Phạm những người phạm tội thì mở cho họ một trường học cho họ đến học để mở mang lòng lành, tu dưỡng tư cách người công dân của nước. Lại lập cho họ một xưởng thợ, rồi tùy theo tài mà dạy cho họ các nghề làm ăn để khỏi thất nghiệp bơ vơ mà phải đi đến chỗ mắc lỗi lầm. Lại đặt cho họ một người chức trách phán xử công bằng, một thầy giáo hiền lành, hàng ngày vào trong nhà giam thuyết giáo

những điều phải chảng để người có tội biết hối cải, rồi đến khi mãn hạn giam, họ cũng như người vô tội. Mọi thứ dân quyền đều được bình đẳng... Lúc bấy giờ dân ta chỉ biết trị hòa mà không biết hình pháp là gì... Chúng ta sống vui như thế, sướng biết chừng nào!”.

Là:

“Sau khi duy tân rồi thì trên triều đình dưới xã hội đều hết lòng chăm nom về việc giáo dục, thể dục, không sót sự gì. Học Trung Quốc, học Nhật Bản, học châu Âu, học đủ mọi điều. Các ấu trĩ viên, dục anh viên, các trường tiểu học, trung học, đại học khắp thành thị thôn quê chỗ nào cũng có... Khi duy tân xong rồi thì người nước ta đã có trình độ hơn cả người châu Âu, châu Mỹ thì khỏi mời người nước ngoài dạy nữa. Cách thức mở trường, sắp xếp việc học, việc dạy và việc bổ nhiệm những người học đã thành tài đều bắt chước theo cái hay cái tốt của các nước như Nhật Bản và châu Âu. Học triết học, văn học, sử học, chính trị, kinh tế, quân sự, luật pháp... Học công nghiệp, thương nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, nữ công, y thuật... bất kỳ giàu nghèo, sang hèn, trai gái, kể từ năm tuổi trở lên, thì vào trường Ấu trĩ viên để chịu sự giáo dục của bậc ấu trĩ. Tám tuổi trở lên thì vào học trường Tiểu học để chịu sự giáo dục của bậc tiểu học. Mười bốn tuổi trở lên thì vào học ở trường Trung học để chịu sự giáo dục của bậc trung học. Đến tuổi mười tám tài chất đã khá thì vào học ở trường cao đẳng để chịu sự giáo dục của trường cao đẳng chuyên nghiệp. Tất cả mọi phí tổn về việc học đều do trên triều đình dưới xã hội chịu cả. Nếu như người dân nào nghèo quá không làm sao đóng góp nổi thì triều đình xã hội tìm cách giúp đỡ khiến người trong nước không ai không được học đến bậc tiểu học trở lên... Sách học tiểu học, trung học, đại học thời có Bộ Giáo dục biên soạn có chằm chước với lời nghị bản, xét duyệt chung trong nghị viện. Tất cả nội dung của sách chỉ nhằm mở mang lòng dân yêu nước và lòng tin yêu lẫn nhau, khai dân trí, giúp dân quyền, khiến cho ai ai cũng tiến bộ ngày ngàn dặm... Được như thế sướng biết chừng nào”.

Những nội dung chính thuộc mười điều sướng mà nước Việt Nam mới sẽ đưa đến cho mọi người dân, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, trai gái là như thế. Nhưng để có một nước Việt Nam mới với mười điều sướng đó, tác giả có sáu điều mong ước lớn (lục đại nguyện) đối với quốc dân đồng bào, gồm:

1. Xin mọi người trong nước ta đều có ý chí tiến thủ mạo hiểm.
2. Xin mọi người trong nước ta đều có tinh thần thương mến tin yêu nhau.
3. Xin mọi người trong nước ta đều có tư tưởng tiến bước lên nền văn minh.
4. Xin mọi người trong nước ta đều có sự

nghiệp thực hành yêu nước.

5. Xin mọi người trong nước ta đều có sự nghiệp thực hành công đức.

6. Xin mọi người trong nước ta đều có hy vọng về danh dự, lợi ích.

- Về điều mong ước lớn thứ nhất, tác giả viết:

"Tâm trí người nước ta không phải không tinh xảo, tai mắt đầu óc người nước ta không phải không thông minh, tay chân khí phách người nước ta không phải không hùng tráng nhưng tại sao ở trong nước thì tự xưng là vua mà bắt nạt dân, ngoài thì lại chịu làm tôi nước khác. Kể từ Hán, Đường, Tống, Minh, Thanh cho đến Pháp ngày nay thì việc làm nô lệ đã khá hoàn bị, thế là tại làm sao? Tại vì mọi người không có chí mạo hiểm tiến thủ, cho nên tự yên phận ngu hèn, tự vui bề mềm yếu, chỉ biết lấy sự ăn uống, trai gái làm điều kinh bang tế thế tuyệt vời, lấy vườn nhà xó bếp làm bầu trời cao rộng! Người khác có ỉa đá lên đầu mình thì cũng ò ra mà nói rằng: "Tớ chỉ biết yên phận". Họ khác có nuốt hết giống ta thì cũng ngạo nghễ mà rằng: "Tớ chỉ đợi thời". Than ôi! Trường cạnh tranh xâu xé, lòng người dữ như rắn, chim chiền chiểu chim sẻ, con tấy đuối con cá, có ai là miệng Phật đầu. Mây không lo tiến thủ thì người ta giết mây. Mây không chịu mạo hiểm thì ai thương mây? Nước ta đến nay mà chưa thể cố gắng vươn lên được hay sao? Xin đồng bào hãy giương mây mở mắt để rửa thẹn cho non sông. Người ta đều là anh hùng cả. Sao mình lại chịu kém hèn... Đó là tiên phong duy tân thứ nhất".

Về điều mong ước lớn thứ hai, tác giả viết:

"...Dân cư đông, đất đai rộng, của cải nhiều, dùng làm việc gì cũng được. Thế tại sao mà người nước ta phải làm tôi tớ, vật sản nước ta bị hư nát tiêu mòn, đi buôn thì buôn lỗ, làm nông thì nông cùng, làm thợ thì bách công vụng về. Có phải trời đất hẹp với ta đâu. Chẳng qua là vì người nước ta không có tinh thần thương mến tin yêu nhau... ở với đồng chủng thì như cừ thù... đưa anh em một đồng tiền, tay nặng quá năm cân. Bạn hữu cách nhau gang tấc mà lòng xa vạn dặm... nhà tôi cứ hát xướng mặc cho nhà anh đang than khóc. Xóm đông cứ no say mặc cho xóm tây đang gặp đói khát. Than ôi! Đang khi núi sông như tro tàn, nhờ có tay chân giúp đỡ, làm sao lại nở riêng danh, riêng lợi, lia đức, lia lòng... Họ đã gần hết cả ba họ. Sao còn giành nhau trong phen, ganh nhau ghét nhau đến thế?... Chi bằng kết đoàn thể, liên tình tình, hợp trí mưu, góp của cải, bỏ hết mọi lòng ghen ghét nhau, chung với nhau một đường sống chết... Đó là tiên phong duy tân thứ hai".

- Về điều mong ước lớn thứ ba, tác giả viết:

"... Người nước ta... bây giờ con mắt còn như mù, lỗ tai còn như điếc, lòng như mê như dại là bởi làm sao? Chẳng qua vì không chịu đổi mới mà chỉ theo cách người trước làm sao thì cứ theo thế mà làm,

không chịu suy nghĩ ra cách mới... Người lớn tuổi thì ngày càng mòn mỏi đi không còn mấy. Người trẻ tuổi thì vợ con trói buộc. Việc xe hơi tàu điện để cả cho người Pháp, còn ta thì làm chó làm ngựa cho người Pháp cũng không sao!... Ta không có cái học như người Tây. Các ông tiến sĩ cử nhân của nước Việt Nam ta không có kỹ xảo như người Tây mà chỉ là những thầy thông sử Toàn quyền, thầy phán tòa Công sứ, kiến thức để luận bàn chỉ có thể thì làm sao lại có thể biết được văn minh là cái gì!... Người ta biết đổi mới sao mình lại chịu vụng về cổ hủ? Việc học tập tinh thông nghề nghiệp ở các nước Anh, Nhật, Đức, Mỹ nhanh cũng đến hai năm, noi theo đó ta chớ lấy làm khó... Trước hết phải học tiếng nói, chữ viết, một năm, hai năm cho quen tiếng nhuần lưỡi, người có chí không lấy làm khó, mà cốt là muốn lên vũ đài văn minh mà thôi. Muốn theo sự hay sự tốt nước người thì phải đi khắp các đô thành nước người... cốt là muốn dựng chiến lũy văn minh mà thôi... Đó là tiên phong duy tân thứ ba".

- Về điều mong ước lớn thứ tư, tác giả viết:

"Người nước ta bây giờ nói sự yêu nước, đánh chuông yêu nước, cũng không biết mấy rồi. Nhưng nói mà không làm thì cũng như không nói. Biết mà không làm thì cũng như không biết... Tôi xin kính chúc đồng bào ta, xin bày tỏ với đồng bào ta rằng, muốn sống còn, nay chỉ có hai điều:

1) Rửa máu tươi mà đánh kẻ gian nô, hãy vùng lên giết sạch lũ chúng.

2) Đem mồ hôi nghĩa mà mua nghiệp tốt, hãy quyền góp tiền của để mưu tính việc lớn...

Tôi đã từng xấu hổ vì không làm được, còn như đồng bào thì ai ai lại không làm được? Mươi ông Nhiếp Chính, trăm ông Kinh Kha thì trong thế giới thù gì cũng báo được... Đó là tiên phong duy tân thứ tư".

- Về điều mong ước lớn thứ năm, tác giả viết:

"Xóm chợ làng quê, chỗ nào cũng biết nói công đức. Xin hỏi đồng bào ta, đến lúc bấy giờ thì có ai là người không làm nên chuyện được?... Từ một người cho đến một nước, ai cũng như ai, thì việc gì mà lại không làm được? Đồng bào ta ơi! Biết công đức lớn như thế, hãy xin gắng mà làm. Tinh mạng đổi cho nhau cũng được, hưởng nữa, tiền bạc, của cải, vật dụng đều là vật chung nhau. Nước là nước ta, ta chỉ biết có nước mà thôi... Lúc bấy giờ sẽ tụ họp được đồng đảo con em người nước ta để tranh giành với một nhóm ít người Pháp. Người Pháp dám đề đầu cưỡi cổ ta nữa hay không? Đó là tiên phong duy tân thứ năm".

- Về điều mong ước lớn thứ sáu, tác giả viết:

"Nói về đạo đức thì không ai dám nói vì danh. Nói về anh hùng thì không ai dám nói về lợi.

Than ôi! Danh lợi có can gì đến đạo đức với anh hùng đâu. Chưa có thực thì danh cũng chóng mai một mà khi đã hư thì danh ấy sẽ xấu đến muôn đời. Vì cái lợi trước mắt, nếu một khi thế cuộc đã

GS. TÔN THẤT DƯƠNG KỶ nhà sử học yêu nước

Mạc Đường

Tại thành phố Sài Gòn - Gia Định trước năm 1975 và ở thành phố Hồ Chí Minh sau năm 1975 cho đến nay, tôi nghĩ rằng GS. Tôn Thất Dương Kỳ là nhà sử học yêu nước hàng đầu nối tiếp giáo sư Trần Văn Giàu, ngôi sao sáng của nền Sử học Việt Nam nói chung và của nền sử học miền Nam nói riêng. Sự nghiệp sử học của hai ông đều gắn bó một phần quan trọng của đời mình với thành phố Sài Gòn - Gia Định xưa và thành

phố Hồ Chí Minh ngày nay. Tất nhiên, không thể nào so sánh ngang bằng được sự nghiệp của nhà sử học Trần Văn Giàu với nhà sử học Tôn Thất Dương Kỳ trên nhiều phương diện: *hành trình yêu nước và sự nghiệp sử học*. Nhưng, trong đội ngũ nhà sử học yêu nước Việt Nam hàng đầu, nhất là ở miền Nam Việt Nam, sau Trần Văn Giàu là Tôn Thất Dương Kỳ. Đó là quan niệm của tôi đã được định hình từ lâu, nay xin được công khai bày tỏ.

Cũng như GS. Trần Văn Giàu, nhà sử học Tôn Thất Dương Kỳ đã xem sử học là một phương tiện hữu hiệu để thể hiện lòng yêu nước nồng thắm của đời mình, là thể hiện trách nhiệm chuyển tải tinh thần yêu nước son sắt ấy cho các thế hệ trẻ tiếp theo. Không những thế, cũng như GS. Trần Văn Giàu, GS. Tôn Thất Dương Kỳ đã không mơ ước đến giàu sang cá nhân, họ đã dấn thân vào cảnh tù đầy, gian khổ, chấp

thay đổi thì phải chịu cái họa khôn cùng. Nếu mà có danh thực thì muôn đời không ai dám nói gì khác... Xin người nước ta ai ai cũng cầu danh như thế. Nếu mà lợi là lợi thật thì mình đã được lợi mà nhân dân cũng được nhờ ơn... Xin người nước ta ai ai cũng cầu lợi như thế. Nhưng danh một ngày với danh muôn đời, danh gì hơn...? Vậy thì quyền nước lấy máu xương mà giành, nên văn minh lấy của cải mà mua, người nước ta ai ai cũng vọng tưởng cho có danh lợi thì làm sao nước ta lại không giàu mạnh được? Đó là tiên phong duy tân thứ sáu".

Nước Việt Nam mới của lãnh tụ Phan Bội Châu được bày tỏ từ năm 1907 trên đất nước Phù Tang là thế. Trên đường cách mạng, đến năm 1912, Việt Nam Quang phục hội được thành lập ở Trung Hoa với tôn chỉ "Muốn cho ích nước lợi nhà / Ất là dân chủ cộng hòa mới xong" (Tuyên cáo) mà có tác phẩm *Quang phục quân phương lược sách* do Phan Bội Châu và Nguyễn Đức Công (Hoàng Trọng Mậu) chấp bút. Nói đến tư tưởng quân sự Việt Nam ta, sách báo từng coi *Binh thư yếu lược* của Hưng Đạo Đại Vương là tác phẩm mở đầu. Nhưng theo GS. Hà Văn Tấn thì đây là tác phẩm do người đời sau viết. Nếu thế thì *Quang phục*

quân phương lược sách đáng được coi là văn bản bệ thế và sáng giá đầu tiên thể hiện tư tưởng, học thuyết quân sự Việt Nam. Trước đó có *Hồ trưởng khu cơ* của Đào Duy Từ nhưng tầm vóc nội dung không bệ thế bằng. *Quang phục quân phương lược sách* là chuyện đánh Pháp xâm lược giành độc lập dân tộc nhưng còn là chuyện xây dựng một đội quân của chính thể Dân chủ Cộng hòa, của một nước Việt Nam mới theo quan điểm đây mới là nội dung ban đầu, về sau tùy theo hoàn cảnh lịch sử của đất nước mà bổ sung hoàn thiện tiếp.

Lãnh tụ Phan Bội Châu trong sự nghiệp anh dũng đấu tranh giành độc lập dân tộc cũng đã nhắm tới việc xây dựng một nước Việt Nam mới lúc đầu là theo chế độ quân chủ lập hiến, sau thì chuyển sang chế độ dân chủ tư sản đại nghị trong đó có một lực lượng quân đội kiểu mới như thế. Hậu thế, từ thực tiễn cuộc sống đất nước hôm nay sẽ suy nghĩ như thế nào về nước Việt Nam mới này nhỉ?

CHÚ THÍCH.

1. *Hải ngoại huyết thư*.
2. *Việt Nam vong quốc sử*.